

KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

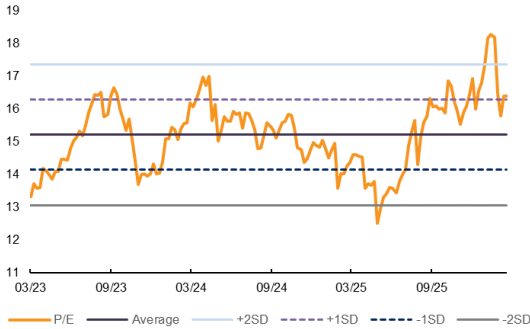
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.860,9	263,2	128,7
1 ngày (%)	-0,4	0,2	0,5
1 tháng (%)	-0,5	4,1	1,3
Từ 2026	4,3	5,8	6,4
1 Năm (%)	42,8	10,5	28,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	333	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,5	1,8	0,6
Số mã tăng	154	76	128
Số mã giảm	159	72	138
Số mã tham chiếu	91	148	481

Nguồn: Bloomberg

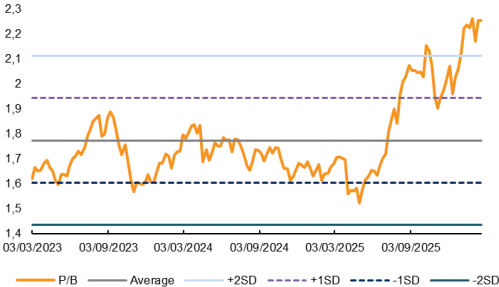
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index điều chỉnh nhẹ, thanh khoản tăng trưởng chờ tín hiệu mới

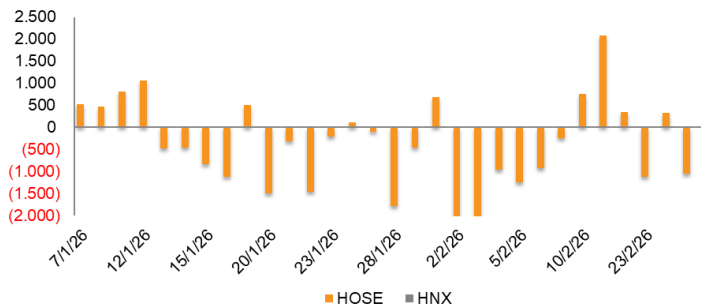
Phiên giao dịch ngày 25/02, thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh nhẹ sau chuỗi ngày duy trì sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa tại 1.860,91 điểm, giảm -6,71 điểm (-0,36%) so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 155 cổ phiếu tăng và 158 cổ phiếu, cho thấy áp lực chốt lời đã bắt đầu gia tăng nhưng phe mua vẫn tham gia tích cực trong phiên giao dịch hôm nay.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.049,64 điểm, chỉ giảm nhẹ -1,21 điểm (-0,06%). Nhóm vốn hóa lớn có sự phân hóa tích cực hơn mặt bằng chung với 17 cổ phiếu tăng và 13 cổ phiếu giảm điểm, giúp chỉ số tránh được sự sụt giảm mạnh. Xét theo nhóm ngành, nhóm Dầu khí (+2,41%), nhóm Hóa chất (+4,02%) và Tài nguyên (+3,23%) là các điểm sáng, duy trì thu hút dòng tiền. Trong khi nhóm Ngân hàng (+0,63%) trở lại, đóng vai trò quan trọng giúp ổn định tâm lý thị trường. Ở chiều ngược lại, Công nghệ (-3,21%), Bất động sản (-2,17%) là những nhóm ngành chịu áp lực điều chỉnh mạnh nhất.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh ngày 25/02 tăng trưởng mạnh lên mức 35.736 tỷ đồng, tăng 14% so với phiên trước đó và cao hơn đáng kể so với ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Việc thanh khoản bùng nổ trong một phiên giảm điểm cho thấy áp lực bán đang tăng lên, tuy nhiên lực cầu đối ứng tại các vùng giá thấp vẫn rất chủ động, đặc biệt là ở các nhóm ngành cơ bản. Trong bối cảnh thị trường đang có dấu hiệu phân phối ngắn hạn và áp lực chốt lời gia tăng tại các nhóm cổ phiếu đã tăng nóng, nhà đầu tư cần ưu tiên quản trị rủi ro nhưng vẫn có thể tìm kiếm cơ hội ở các nhóm đang dẫn dắt: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: (1) Tránh tâm lý bán tháo trong các nhịp rung lắc, tận dụng các phiên phục hồi để cơ cấu lại các cổ phiếu yếu kém. (2) Ưu tiên giữ lại các cổ phiếu thuộc nhóm ngành có dòng tiền riêng biệt như Công nghệ và Bán lẻ. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân thăm dò với tỷ trọng thấp tại các vùng hỗ trợ mạnh của các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. (2) Việc giải ngân nên tập trung vào các nhóm ngành dự kiến có kết quả kinh doanh quý 1/2026 khả quan.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	142,5	4,0	-0,8	0,4	1,0	39,5	73,5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,6	24,8	5,8	0,3	0,0	0,1	15,3	129,6
Năng lượng	2,9	28,6	2,4	2,8	29,0	69,0	89,5	-8,9
Tài chính	39,4	13,1	1,9	0,4	0,0	9,7	29,4	11,1
Chăm sóc sức khỏe	0,5	38,9	2,9	-0,3	1,4	5,0	15,2	16,0
Công nghiệp	7,4	23,8	5,1	-1,3	-1,0	-0,4	48,5	8,6
Công nghệ thông tin	2,0	17,6	4,0	-3,2	-9,6	-3,6	-21,3	68,6
Vật liệu xây dựng	6,7	23,2	2,2	3,5	10,0	26,6	22,1	24,3
Bất động sản	23,8	61,5	5,6	-2,6	-5,8	-7,6	440,7	113,7
Dịch vụ tiện ích	4,8	19,7	3,2	0,3	7,2	36,8	47,2	25,9

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Vào tháng 2 năm 2026, niềm tin người tiêu dùng Mỹ bất ngờ tăng lên 91,2 từ mức thấp trước đó, nhờ những cải thiện khiêm tốn về thu nhập và tâm lý việc làm, mặc dù những lo ngại về lạm phát và khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm vẫn còn tồn tại. Thị trường lao động cho thấy những tín hiệu trái chiều khi nhiều người tiêu dùng cho rằng việc làm “khó kiếm”, cho thấy những rủi ro tiềm tàng đối với sự ổn định việc làm ngay cả khi niềm tin đang phục hồi.
- **Trung Quốc:** Theo Reuters, thị trường chứng khoán Trung Quốc đã phục hồi trong phiên gần nhất, với các chỉ số lớn như CSI 300 và Shanghai Composite tăng điểm, nhờ kỳ vọng chính sách ổn định từ Bắc Kinh và tâm lý tích cực quanh nhóm cổ phiếu công nghệ/AI.

Tin vĩ mô trong nước

- **Việt Nam ghi nhận kết quả thương mại khả quan trong tháng 1 năm 2026** với xuất khẩu tăng 29,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 43,19 tỷ USD và nhập khẩu tăng 49,2%, đạt 44,97 tỷ USD, dẫn đến thâm hụt thương mại nhỏ ở mức 1,78 tỷ USD. Thặng dư thương mại với Mỹ vẫn ở mức cao trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc đạt kỷ lục, cho thấy sự năng động liên tục của thương mại và hội nhập cấu trúc vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Theo kế hoạch được Chính phủ công bố và được Reuters dẫn lại trong các bản tin kinh tế gần đây, tổng vốn đầu tư công năm 2026 của Việt Nam khoảng 947,4 nghìn tỷ đồng (xấp xỉ 38–39 tỷ USD), thuộc nhóm cao nhất từ trước đến nay. Chính phủ yêu cầu đẩy nhanh giải ngân ngay từ quý I/2026, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm gồm: Cao tốc Bắc – Nam và các tuyến vành đai, Hạ tầng năng lượng (điện, LNG, năng lượng tái tạo) và Hạ tầng số và chuyển đổi số quốc gia

Tin ngành và doanh nghiệp

- **VIC – Vingroup tắt toán lô trái phiếu hơn 1.100 tỷ đồng, tiếp tục duy trì quy mô tài sản trên 1,12 triệu tỷ:** Tập đoàn Vingroup - CTCP (HOSE: VIC) vừa công bố hoàn tất thanh toán toàn bộ gốc và lãi của lô trái phiếu VICGIFB1626002. Cụ thể, ngày 23/02/2026, tập đoàn đã chi trả khoảng 47 tỷ đồng tiền lãi (lãi suất 8,5%/năm) và 1.050 tỷ đồng tiền gốc, nâng tổng giá trị thanh toán lên gần 1.100 tỷ đồng, qua đó tắt toán xong nghĩa vụ với lô trái phiếu này. Về kết quả kinh doanh, năm 2025 Vingroup đạt doanh thu thuần hợp nhất 332.770 tỷ đồng, tăng 76% và là mức cao nhất lịch sử. Lợi nhuận trước thuế đạt 26.300 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 11.146 tỷ đồng, tăng lần lượt 57% và 111% so với năm trước. Tính đến 31/12/2025, tổng tài sản đạt 1,12 triệu tỷ đồng, tăng 34% so với cuối năm 2024.
- **CTR – Viettel Construction khởi động 2026 tăng trưởng mạnh, giữ vững vị thế TowerCo số 1:** Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Construction) (HOSE: CTR) mở đầu năm 2026 với kết quả kinh doanh tích cực. Riêng tháng 1/2026, doanh thu đạt 1.303 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế gần 64 tỷ đồng, tăng 26%. Sau một tháng, doanh nghiệp đã hoàn thành khoảng 8% kế hoạch doanh thu năm (15.653 tỷ đồng) và 8% mục tiêu lợi nhuận trước thuế (778 tỷ đồng). Về cơ cấu, doanh thu ngoài Tập đoàn đạt 570 tỷ đồng, tăng 82% và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Thị trường trong nước đóng góp 87% tổng doanh thu, trong khi thị trường quốc tế chiếm 13%, với các hợp đồng vận hành – khai thác mạng cho Mytel (Myanmar), Metfone (Campuchia) và các đối tác TowerCo khác. Doanh thu mảng này năm 2026 dự kiến đạt 558 tỷ đồng, tăng 22%.
- **STB – Sacombank dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ 2026 tại Phú Thọ, bổ sung 4 thành viên HĐQT:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) (HOSE: STB) dự kiến sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào ngày 22/04 tại Phú Thọ, thay vì TP.HCM như thông lệ các năm trước. Một nội dung đáng chú ý tại đại hội lần này là kế hoạch bầu bổ sung 4 thành viên Hội đồng quản trị, diễn ra trong bối cảnh ngân hàng có những thay đổi về nhân sự cấp cao và tiếp tục quá trình tái cơ cấu. Về kết quả kinh doanh, năm 2025 Sacombank ghi nhận lợi nhuận trước thuế 7.628 tỷ đồng (khoảng 290 triệu USD), hoàn thành 52% kế hoạch năm. Kết quả này phản ánh nỗ lực xử lý tài sản tồn đọng và cải thiện hiệu quả hoạt động, dù vẫn còn khoảng cách so với mục tiêu đề ra.
- **VCG – Vinaconex bổ nhiệm ông Trần Đình Tuấn làm Chủ tịch HĐQT từ 13/02/2026:** Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt đã chính thức bổ nhiệm ông Trần Đình Tuấn giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 13/02/2026, khép lại gần hai năm chuyển giao và kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao. Ông Trần Đình Tuấn đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinaconex từ năm 2022, đồng thời hiện sở hữu 27.076 cổ phiếu VCG.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm xuống 3,63% trong ngày 25/2. Ngân hàng Nhà nước đã hút ròng ba phiên liên tiếp, tổng cộng ~50 nghìn tỷ đồng thông qua kênh nghiệp vụ thị trường mở trong ba ngày đầu tuần.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,75	-0,1	3,7	15,1	54,2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	3,65	-56,8	-34,6	121,2	-21,5
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,38	-13,4	-0,7	-10,5	55,4
USD/VND	26.115	0,3	0,3	0,7	-2,3
DXY	97,84	0,0	0,2	-0,5	-8,0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,05	0,5	-4,1	-2,8	-5,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,48	0,6	-4,8	-1,6	-14,8

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.155,80	-0,9	3,5	18,8	74,9
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	65,60	0,0	7,4	14,2	-4,8
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	70,78	0,0	7,4	16,3	-3,1
Thép (USD/tấn)	464,1	-0,1	-2,0	-2,0	-8,5
Thịt heo (USD/kg)	1,6	-1,6	-16,5	-13,9	-26,1
Gạo (USD/tấn)	447,9	0,2	-7,3	2,9	-26,6
Phân urea (USD/tấn)	428,5	6,5	14,4	25,1	14,3

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 24/02/2026	Mỹ	Báo cáo thay đổi việc làm hàng tuần của ADP
Thứ Năm 26/02/2026	Mỹ	Đề Nghị Trợ Cấp Thất Nghiệp Lần Đầu
Thứ Sáu 27/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng trên tháng) tháng 01
	Mỹ	PPI lõi (Tháng trên tháng) tháng 01

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.627	5,0	3.575	55.600	73.300	32,8%	1,0%	18,4	2,9	17%
AST	131	0,0	5	75.900	85.400	15,8%	3,3%	13,8	5,8	45%
HVN	3.312	1,6	706	27.800	43.400	58,4%	2,2%	10,8	14,4	
VJC	3.702	13,2	867	178.500	113.600	-35,8%	0,6%	47,4	4,3	10%
Bán lẻ										
BAF	442	4,3	202	38.000	37.200	-2,1%		70,4	2,9	3%
DGW	443	4,9	119	52.300	49.600	-4,2%	1,0%	20,9	3,4	17%
FRT	1.115	3,6	181	171.000	150.300	-11,9%	0,2%	36,6	5,6	26%
MCH	7.300	1,9	2.546	147.000	147.000	1,4%	1,4%	28,5	10,6	46%
MWG	5.265	23,7	74	93.000	96.300	4,6%	1,1%	19,4	4,2	23%
PNJ	1.561	6,4	21	119.500	109.900	-7,2%	0,8%	14,8	3,1	23%
QNS	694	0,3	282	49.300	53.400	10,3%	2,0%	8,1	1,4	18%
SAB	2.416	3,7	1.006	49.200	59.900	25,8%	4,1%	14,7	3,0	20%
VHC	539	2,8	428	62.700	71.300	16,9%	3,2%	10,3	1,5	15%
VNM	5.786	16,8	2.869	72.300	74.800	7,4%	3,9%	18,0	4,9	27%
Tài chính										
ACB	4.809	11,8	135	24.450	31.300	31,6%	3,6%	8,0	1,3	18%
BID	13.040	14,4	1.655	48.500	47.200	-1,8%	0,9%	11,4	2,0	19%
CTG	11.450	22,2	527	38.500	49.000	28,1%	0,8%	8,6	1,7	21%
HDB	5.453	20,9	227	28.450	39.500	41,1%	2,3%	8,0	1,9	25%
LPB	4.839	3,2	203	42.300	33.400	-15,1%	5,9%	11,1	2,7	25%
MBB	8.868	30,4	2	28.750	32.900	16,2%	1,7%	8,6	1,7	22%
STB	4.815	27,0	735	66.700	45.700	-30,6%	0,9%	21,2	2,1	10%
TCB	9.769	16,2	0	36.000	40.300	14,7%	2,8%	10,1	1,5	16%
TPB	1.981	7,4	99	18.650	17.800	0,5%	5,1%	7,0	1,2	18%
VCB	20.829	23,8	1.922	65.100	69.300	7,1%	0,7%	15,5	2,4	17%
VIB	2.268	4,2	5	17.400	23.600	39,2%	3,5%	8,1	1,3	16%
VPB	8.765	22,1	447	28.850	37.100	30,3%	1,7%	9,5	1,4	15%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Dệt may										
MSH	168	0,8	73	39.000	40.600	14,4%	10,3%	7,2	2,3	33%
TCM	113	1,5	2	26.450	29.800	14,6%	1,9%	12,2	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.655	2,7	870	67.000	68.600	4,0%	1,6%	20,1	3,1	16%
GMD	1.307	4,4	122	80.000	72.000	-7,5%	2,5%	21,9	2,6	12%
HAH	404	4,1	90	62.500	55.400	-10,1%	1,2%	9,1	2,3	29%
VSC	354	7,7	167	24.700	19.100	-20,6%	2,0%	27,1	1,7	7%
IDC	719	5,2	249	49.500	45.600	-4,8%	3,0%	9,7	2,9	32%
KBC	1.295	6,3	491	35.900	30.000	-15,4%	1,0%	14,5	1,4	10%
PHR	331	1,7	119	63.700	68.400	9,5%	2,1%	18,2	2,1	13%
VTP	507	3,4	222	108.800	129.200	19,7%	1,0%	38,0	7,5	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.105	13,8	460	76.000	128.300	72,8%	3,9%	10,2	1,9	20%
HPG	8.612	39,6	2.383	29.300	30.000	3,4%	1,0%	14,6	1,7	13%
Dầu khí										
BSR	5.628	14,7	2.644	29.350	16.700	-41,6%	1,5%	28,3	2,4	9%
GAS	10.164	10,8	4.746	110.000	78.400	-26,9%	1,9%	23,3	4,0	18%
OIL	685	2,9	41	17.300	14.800	-13,0%	1,4%	54,7	1,7	3%
PLX	2.822	12,1	125	58.000	47.700	-15,7%	2,1%	30,8	2,8	10%
PVD	779	10,3	283	36.600	32.600	-4,1%	6,8%	22,3	1,2	6%
PVS	920	12,1	294	47.000	41.800	-9,7%	1,4%	13,2	1,6	13%
PVT	390	3,8	150	21.700	23.400	8,9%	1,0%	9,8	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	698	4,6	311	26.800	22.700	-12,1%	3,2%	17,8	1,6	10%
DCM	834	3,9	362	41.150	40.000	2,1%	4,9%	13,2	2,0	16%
DDV	172	1,5	80	30.700	39.700	32,2%	2,9%	26,6	2,5	10%
PLC	99	0,9	48	32.100	34.100	7,8%	1,6%	191,1	2,0	9%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Điện										
POW	1.680	7,1	758	14.300	14.400	1,9%	1,2%	17,3	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	381	2,3	117	26.900	37.400	40,6%	1,5%	14,1	1,5	11%
PC1	416	4,6	143	26.400	26.500			11,7	1,7	15%
REE	1.307	1,2	0	63.000	76.600	23,2%	1,6%	13,5	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	673	8,3	186	15.800	18.300	28,5%	12,7%	68,4	1,2	2%
KDH	1.201	6,3	261	27.950	41.800	50,6%	1,1%	31,9	1,7	5%
NLG	521	2,9	39	28.050	42.200	52,1%	1,6%	19,2	1,1	6%
VHM	16.829	32,1	7.051	107.000	93.600			10,7	1,9	19%
VRE	2.484	12,8	920	28.550	32.000	15,8%	3,7%	10,1	1,3	14%
Công nghệ										
FPT	5.812	35,0	622	89.100	118.200	33,8%	1,1%	16,2	4,2	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA